

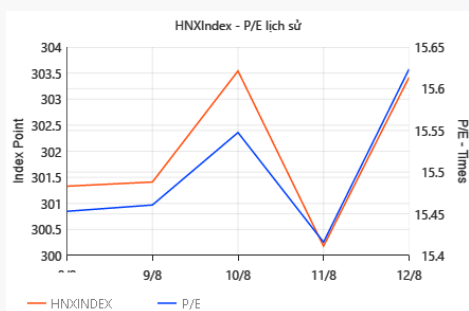


## VN-INDEX



Điểm số	<b>1,262.33</b>
Tuần qua (WoW)	0.77%
Từ đầu năm (YTD)	-15.75%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-7.97%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-5.29%
P/E	13.39
P/B	2.09

## HNX -INDEX



Điểm số	<b>303.42</b>
Tuần qua (WoW)	1.17%
Từ đầu năm (YTD)	-35.99%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	5.69%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	8.79%
P/E	15.62
P/B	1.69

Chuyên viên Phân tích

**Đỗ Trung Nguyên**

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:702

**Võ Thế Vinh**

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:701

## VÙNG TRỐNG THÔNG TIN

### NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Thị trường có tuần tăng điểm thứ 5 liên tiếp nhưng đã cho một số dấu hiệu giằng co do áp lực chốt lời trong tuần tuy nhiên việc tăng điểm trong phiên chiều thứ 6 đã xác nhận lại tâm lý chấp nhận rủi ro vẫn đang chiếm ưu thế trên thị trường. Điều này đến từ việc một số rủi ro quốc tế lớn, như căng thẳng tại Châu Á hay việc Mỹ sẽ phải tiếp tục thắt chặt hơn nữa chính sách tiền tệ, đã tạm thời lắng xuống với những diễn biến và số liệu mới ra. Trong báo cáo cập nhật kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm, Ngân hàng Thế giới đã dự báo mức tăng trưởng 7.5% và lạm phát 3.8% cho kinh tế Việt Nam, đây là một điều chỉnh tăng tích cực so mức 5.8% công bố ngày 7/6 và đặc biệt đặt trong bối cảnh dự báo cho các quốc gia khác phần lớn đều bị điều chỉnh giảm.

Trong ngắn hạn sắp tới, các thông tin có thể tạo áp lực tiêu cực đến thị trường không quá nhiều ngoại trừ các diễn biến địa chính trị và dịch bệnh vốn có rất ít căn cứ để xác định.

Và ở vùng trống thông tin sau mùa báo cáo quý 2, việc các thông tin tiêu cực nhất đều đã ra và phản ánh vào diễn biến của thị trường thì kịch bản tăng trong nghi ngờ đang có xác suất cao khi thị trường vẫn đang cho thấy sự vững vàng trước áp lực chốt lời.

### CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường cho thấy dấu hiệu quay trở lại đà tăng. Chiến lược phù hợp lúc này là có thể mở mới vị thế với những cơ hội phù hợp, hay thậm chí là gia tăng những vị thế đã có sẵn.

### DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

**Danh mục Giao dịch:** Danh mục Giao dịch trong tuần vừa qua có mở vị thế mới với PVD, LHG, SNZ, mở vị thế gia tăng với VCI.



**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**

**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	40.3%		-12.1%
VHM	15/02/21	3	77,730	Nắm giữ	81,800	5.2%	33.7%		9.1%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	66.2%		-26.0%
NLG	23/08/21	1	36,030	Nắm giữ	34,300	-4.8%		23.6%	17.7%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		3.9%	164.4%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	34.0%		-13.7%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		21.2%	112.7%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	24.6%		2.0%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		11.9%	44.6%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		32.8%	125.0%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	17.8%		3.2%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	23.3%		17.7%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã LHG, SNZ được thêm mới vào Danh mục Giao dịch, VCI được khuyến nghị mua gia tăng.

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Lợi nhuận kỳ vọng	Lãi/Lỗ hiện tại
VCB	2022/08/02	75,000 – 79,000	101,000	31.2%	6.0%
BID	2022/08/02	37,000 – 40,000	52,000	35.1%	1.8%
MBB	2022/08/02	26,000 – 27,500	36,000	34.6%	1.1%
VND	2022/08/02	19,800 – 21,000	28,500	39.7%	10.3%
VCI	2022/08/02	42,000 – 45,000	60,000	37.9%	10.1%
HPG	2022/08/02	22,000 – 23,500	31,000	36.3%	5.3%
NKG	2022/08/02	18,000 – 19,500	25,500	36.0%	16.0%
PVD	2022/08/08	17,000 – 18,600	22,700	27.5%	6.2%
LHG	8/12/2022	37,000 – 40,000	58,000	50.65%	0.5%
SNZ	8/12/2022	40,400 – 45,000	64,000	49.88%	1.9%
VCI	8/12/2022	46,000 – 49,000	60,000	26.32%	0.8%



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có tuần tăng điểm thứ 5 liên tiếp khi VN-Index tăng 0.8% trong khi HNX-Index tăng 1.2%, lên mức cao nhất trong khoảng gần 2 tháng vừa qua. Thanh khoản không có nhiều thay đổi trên cả 2 sàn. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tăng điểm với 400 mã tăng/ 245 mã giảm.

GAS có một tuần dẫn dắt thị trường với ảnh hưởng vượt trội khi nhìn chung nhiều trụ cũng giao dịch giằng co. Số lượng nhóm ngành tăng điểm cũng chiếm đa số với nhóm Dầu khí với PVD, PVS, BSR, OIL là nhóm tăng điểm tốt nhất trong tuần. Nhóm tích cực tiếp theo sau là nhóm Tiện ích và Thép. Ở chiều ngược lại, một số mã lớn như PNJ và GIL điều chỉnh nhẹ khiến cho nhóm Hàng tiêu dùng là nhóm vận động kém tích cực nhất trong tuần. Tuần qua nhóm Chứng khoán đã vượt qua Ngân hàng về thanh khoản trên thị trường, chỉ xếp sau nhóm Bất động sản.

Xét về cơ cấu nhà đầu tư, các nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục là nhóm bán ròng chính trong tuần qua, lực bán của nhóm này tập trung vào một số mã Ngân hàng tầm trung như SHB, HDB, Chứng khoán VND và cổ phiếu dầu khí PVD (bán ròng trên 100 tỷ). Nhóm tổ chức trong nước là lực mua ròng đối ứng chính trong tuần khi khối ngoại đã giảm quy mô mua ròng so với tuần trước.

Tuần qua cũng là một tuần rất tích cực với các thị trường cổ phiếu toàn cầu khi gần như tất cả các thị trường chính đều tăng điểm và nhóm chỉ số thị trường Mỹ đều tăng khoảng 3%, dẫn dắt đà tăng toàn cầu dù vẫn đứng sau mức tăng gần 5% của thị trường Philippines. Thông tin chính tạo ra một xu hướng tăng điểm trong thị trường gấu (bear market rally) tính đến thời điểm hiện tại chính là việc lạm phát tạm thời hạ nhiệt. Lạm phát tháng 7 hạ xuống 8.5% từ mức 9.1% trong tháng 6, thấp hơn so với mức dự báo 8.7%, mặc dù lạm phát vẫn đang ở mức nguy hiểm.

### VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

### Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 0.8%, mở cửa tuần sát tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa tuần và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và cao hơn trung bình.

Thị trường có ba ngày đầu tuần tiếp tục giao dịch trong biên độ hẹp, khối lượng và giá trị giao dịch đều không có gì nổi bật. Quá trình này là để thị trường chốt lời ngắn hạn sau nhịp tăng trước đó, nhưng diễn biến như vậy là không đủ để thị trường tạo nên một sự chênh lệch cung cầu đủ lớn để kích hoạt những chuyển động theo bất cứ chiều nào, dù là lên tiếp hoặc xuống mạnh. Bước ngoặt chỉ thực sự đến trong ngày thứ năm, khi thị trường có sự khởi đầu hưng phấn nhưng sau đó chịu áp lực bán trong hầu như toàn bộ thời gian còn lại của ngày giao dịch, áp lực bán gia tăng mạnh nhưng ở chiều ngược lại lực mua hỗ trợ còn mạnh hơn và đã hấp thụ được toàn bộ lực bán này. Lực bán cho thấy dấu hiệu cạn kiệt trong buổi sáng ngày thứ sáu cuối tuần và sau đó đến buổi chiều thì khi lực mua xuất hiện, dù không quá mạnh nhưng cũng đủ để đẩy thị trường tăng điểm, đóng cửa cao nhất ngày. Với những diễn biến như vậy thì nhìn chung, khả năng cao là xu hướng tăng đã quay trở lại.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,150
Kháng cự	1,350 – 1,360



## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

#### Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	1.1%	33,000	21.3%
TNG	24/08/21	22,833 – 24,120	31,833	21,481	1:3	36.8%	38,950	61.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%	172,730	17.5%
BWE*	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	58.3%	62,000	72.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.6%	27,800	98.6%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	26.2%	68,000	38.4%
VND*	09/06/21	14,600 – 15,600	21,000	13,500	1:2.5	105.1%	36,250	132.4%
DPG*	31/05/21	26,500 – 27,929	42,571	24,000	1:4	199.0%	97,920	250.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.1%	43,300	46.8%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.9%	49,950	30.1%
SSI*	20/05/21	21,000 – 22,300	27,850	19,700	1:2	81.6%	52,130	133.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	35.2%	43,550	61.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	100.6%	33,500	108.1%
SMC*	11/05/21	29,000 – 31,250	41,670	25,850	1:2	12.6%	45,740	46.4%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	98.5%	28,850	112.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	68.6%	62,200	77.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%	36,700	74.8%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	93.3%	17,950	139.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	6.6%	129,690	28.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%	96,000	25.9%
GEG*	08/03/21	15,610 – 16,650	24,245	14,580	1:4	47.1%	27,360	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	97.3%	37,000	151.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	41.6%	33,580	58.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	172.0%	28,800	240.6%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	44.9%	130,440	56.2%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	119.0%	49,100	133.8%
CCL*	17/02/21	8,930 – 9,820	16,070	7,770	1:3	73.1%	18,570	89.1%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	81.2%	28,260	143.8%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%	27,000	86.2%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	132.0%	48,000	143.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	40.5%	34,300	63.3%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	153.2%	88,260	184.7%
PGV*	23/11/20	12,510 – 13,462	22,510	11,271	1:4	174.8%	42,290	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	283.8%	41,800	383.2%
DRI*	20/10/20	4,030 – 4,530	9,530	3,230	1:4	312.8%	20,780	358.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%



**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Các mã đã rút khỏi Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Lợi nhuận	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
TDM*	30/07/21	30,050	40,000	33.1%	32.8%	41.1%
HAH*	03/08/21	34,300	42,100	22.7%	268.1%	469.9%
OCB*	02/08/21	24,300	27,700	14.0%	25.5%	53.0%
SZC*	23/04/21	35,750	41,000	14.7%	38.1%	144.3%
DHC*	30/10/20	34,440	38,760	17.1%	88.7%	171.2%
ACB*	05/02/21	22,830	29,110	27.5%	58.3%	69.8%
MBB*	11/06/21	29,185	32,593	11.7%	113.3%	175.7%

**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
VHM*	31/05/21	75,820	75,550	0%	38.6%	15/02/22	81,800	+8.3%
MWG*	08/02/21	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu. Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



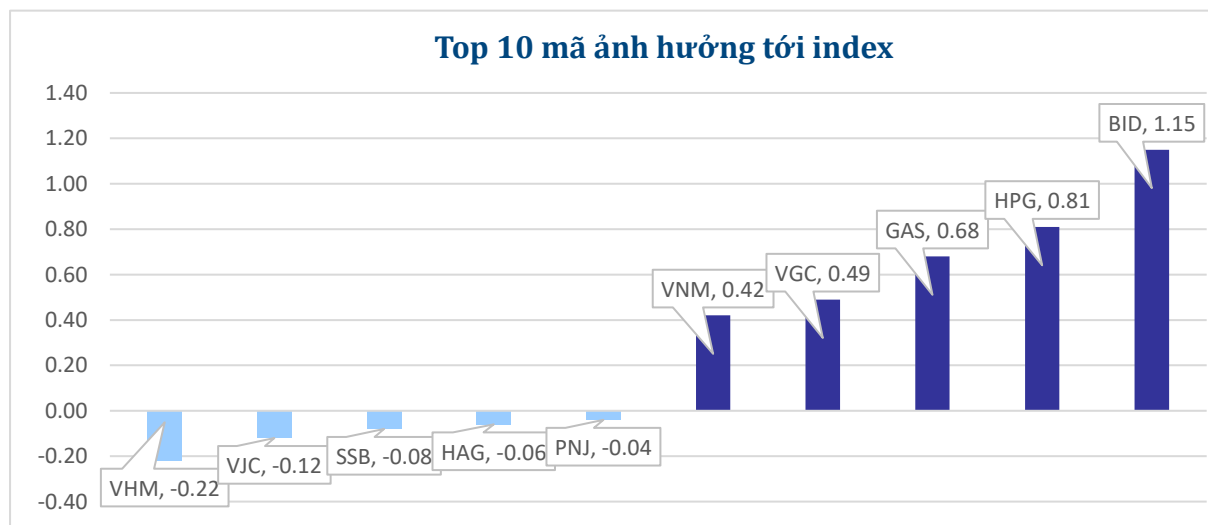
**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG PHIÊN CUỐI TUẦN**  
**BIẾN ĐỘNG NGÀY**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,262.33	0.82%	10.26	542.04	13,057.1	273	81	166
Vn30 - Index	1,280.96	0.68%	8.63	124.74	4,111.5	25	2	3
Vn - Mid	1,716.69	20.01%	1.18	239.29	6,221.6	51	5	14
VN - Small	1,571.70	0.99%	15.48	116.20	2,347.0	116	32	74
HNX - Index	303.42	1.08%	3.24	68.86	1,463.4	115	63	159
Upcom - Index	92.84	0.13%	0.12	73.80	678.4	216	93	140

**THANH KHOẢN NGÀY**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	13,057.09	-30.46%	542.04	-33.13%
HNX	1,463.40	-42.74%	68.86	-46.52%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**

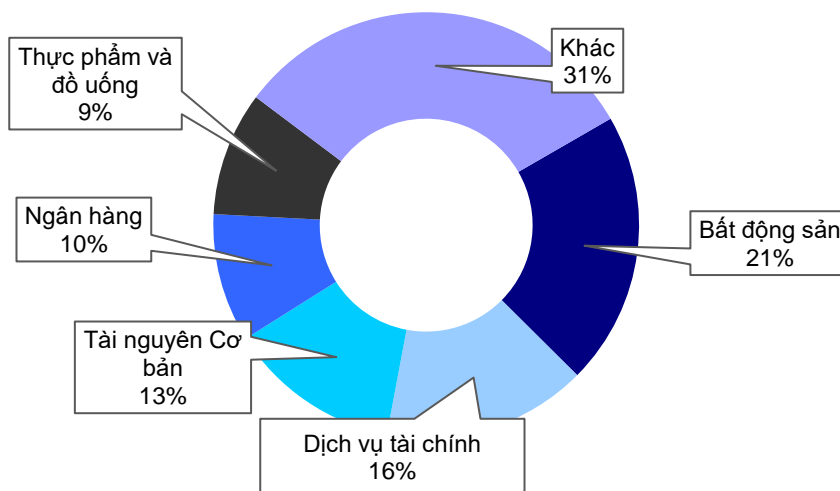


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)			
HPG	33.80	HSG	324%	FRT	7.0%	HAG	-2.0%
HSG	24.26	HSG	221%	HSG	6.9%	BAF	-1.9%
VND	21.20	VND	219%	VGC	6.9%	TLG	-1.3%
SSI	17.18	SSI	218%	VCI	6.2%	TCM	-1.2%
VIX	16.53	KBC	176%	NKG	5.6%	NT2	-0.8%

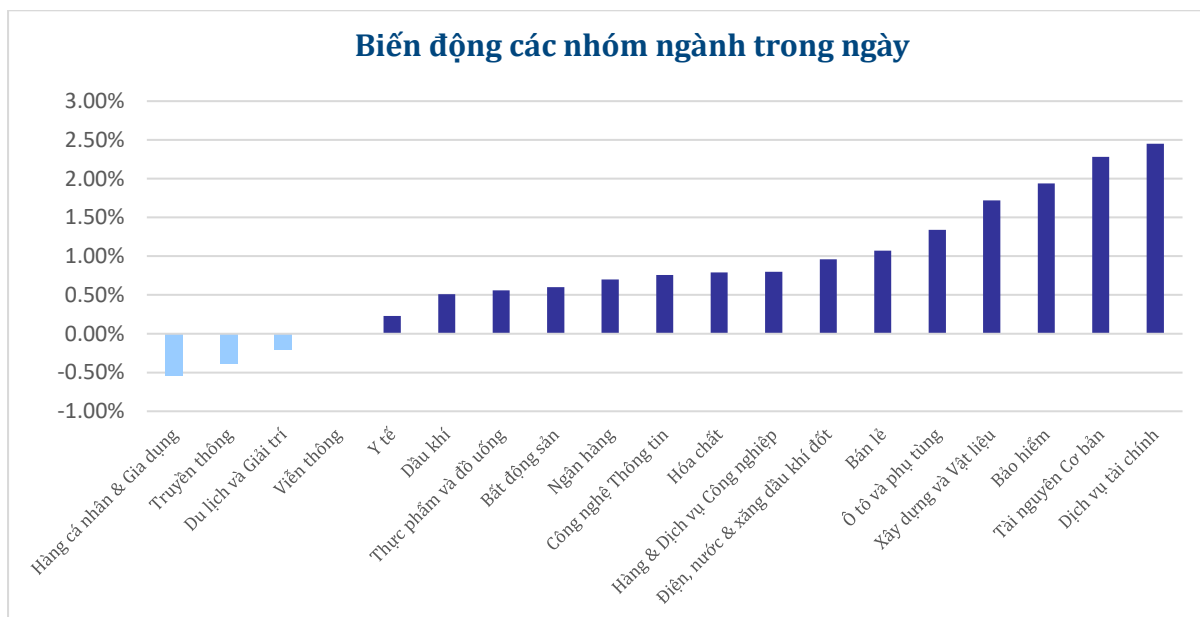


## NHÓM NGÀNH

### Thanh khoản ngành trong ngày



### Biến động các nhóm ngành trong ngày



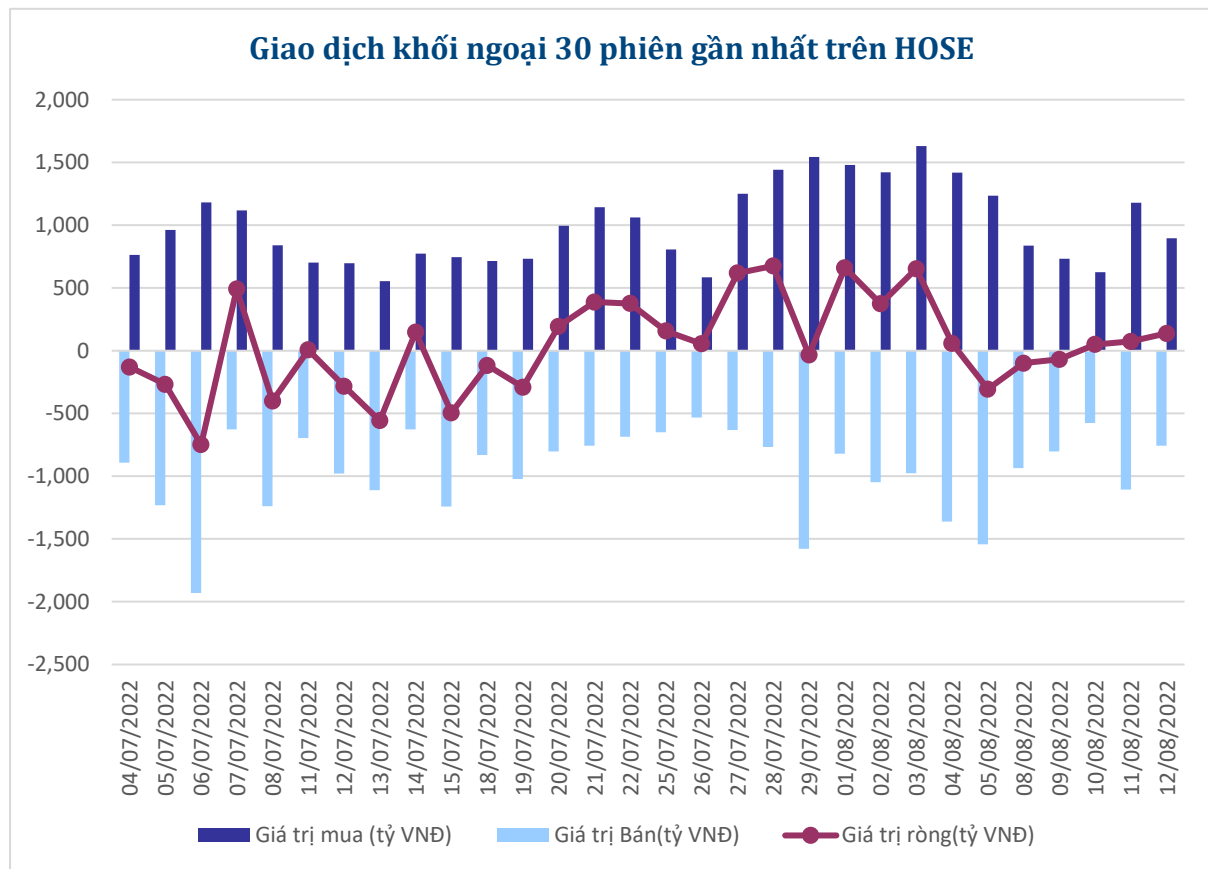




## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

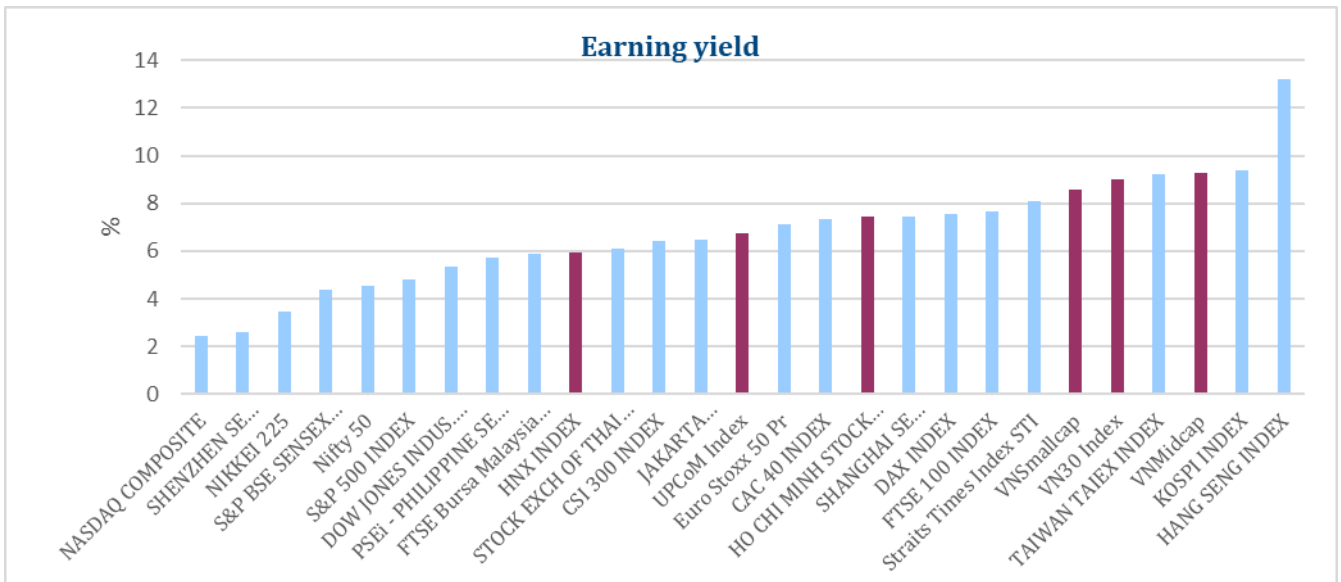
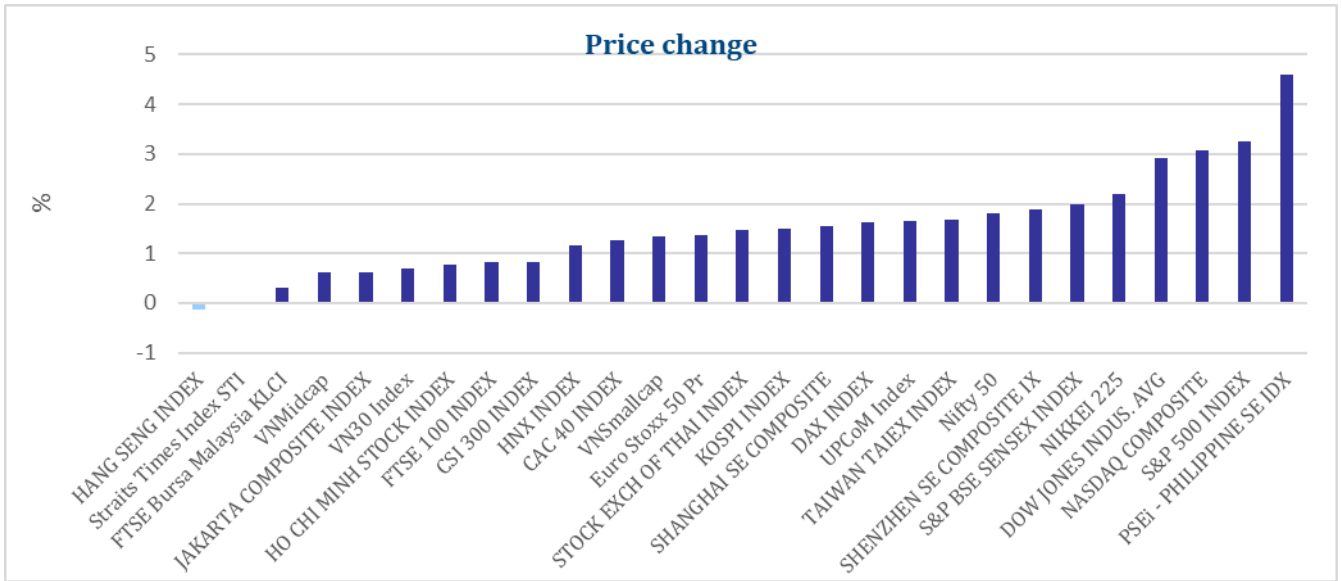
Trên HOSE mua ròng 138.11 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 1.24 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HPG	124.98	KBC	25.58
VIC	25.30	VHM	20.22
NVL	16.19	DGW	18.58
VND	13.53	DGC	18.26
VRE	12.71	TLG	15.43

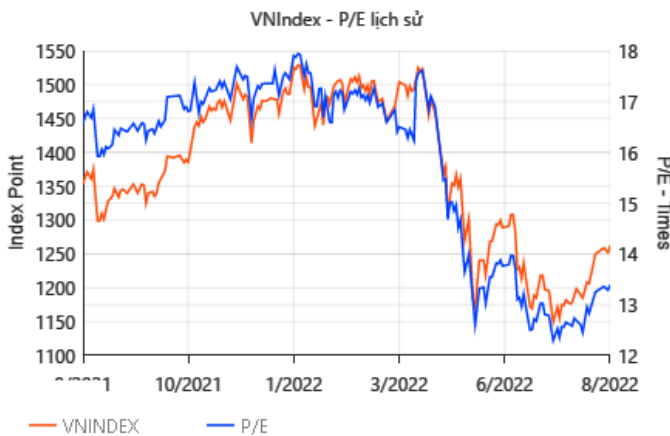




**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**

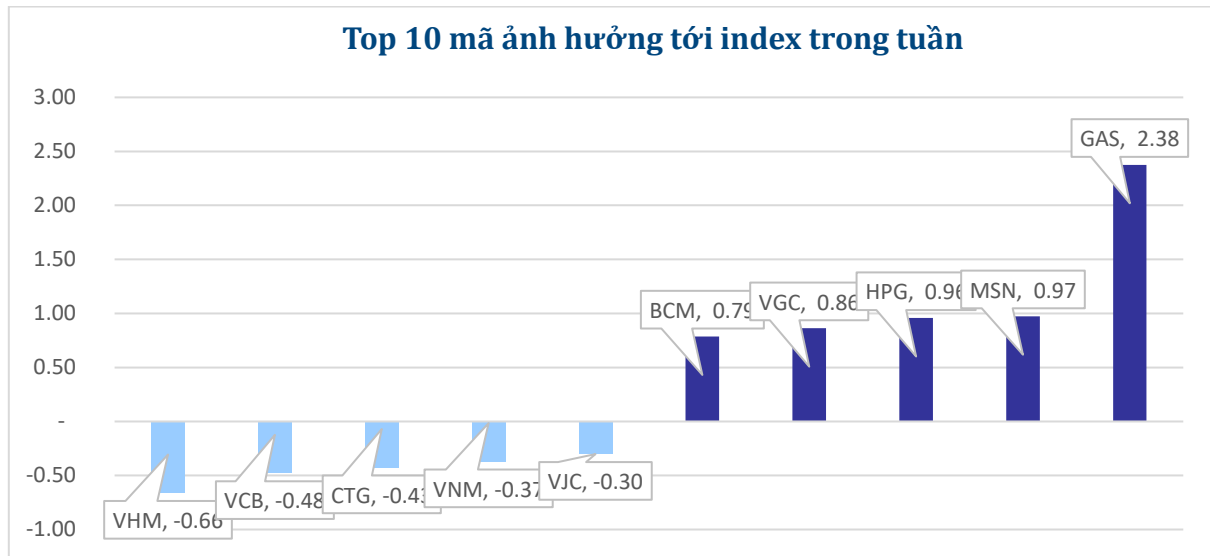


**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**



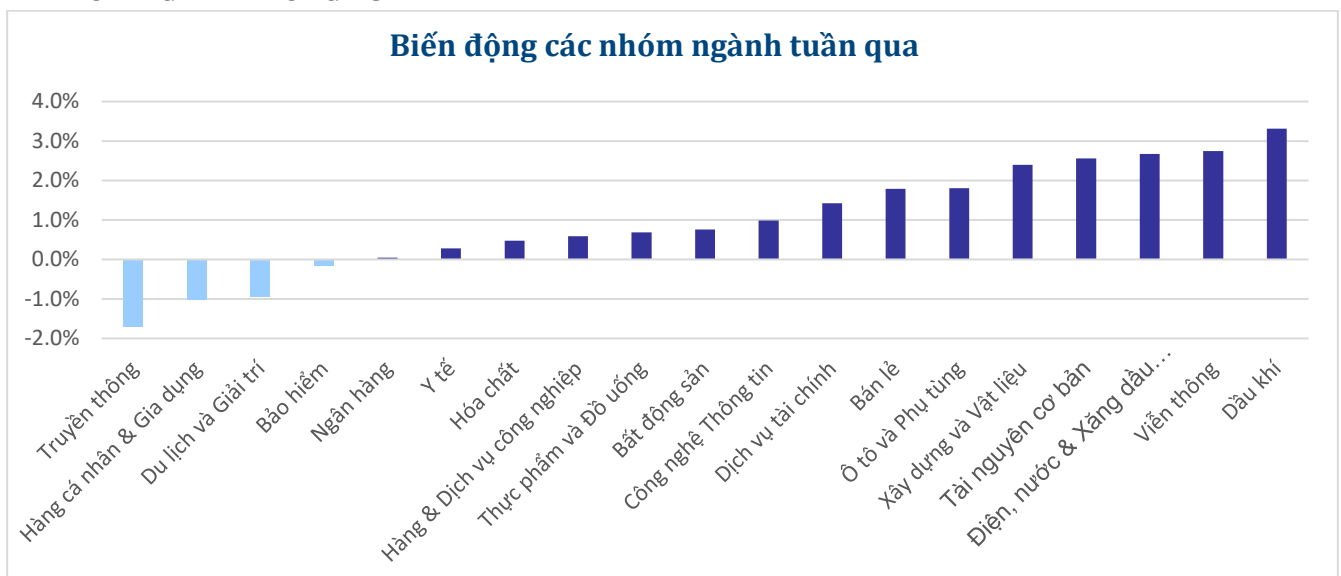


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA**



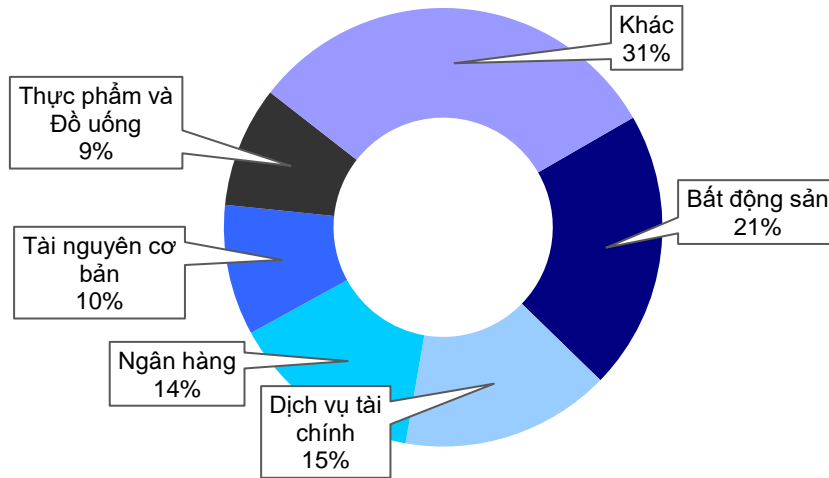
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HPG	35.4	HPG	843.1	AAS	5.22x	TGG	24.5%	ROS	-10.4%
VND	25.1	VND	559.1	TDC	2.93x	L14	17.7%	CSI	-5.8%
HAG	24.0	SSI	473.4	VC2	2.89x	BII	16.3%	BAF	-5.5%
SSI	19.2	VPB	433.8	AMV	2.87x	TDC	15.1%	AAS	-4.5%
VPB	14.4	DIG	342.0	ITC	2.78x	VGC	12.9%	HAG	-4.0%

**NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN**





### Đóng góp thanh khoản trong tuần

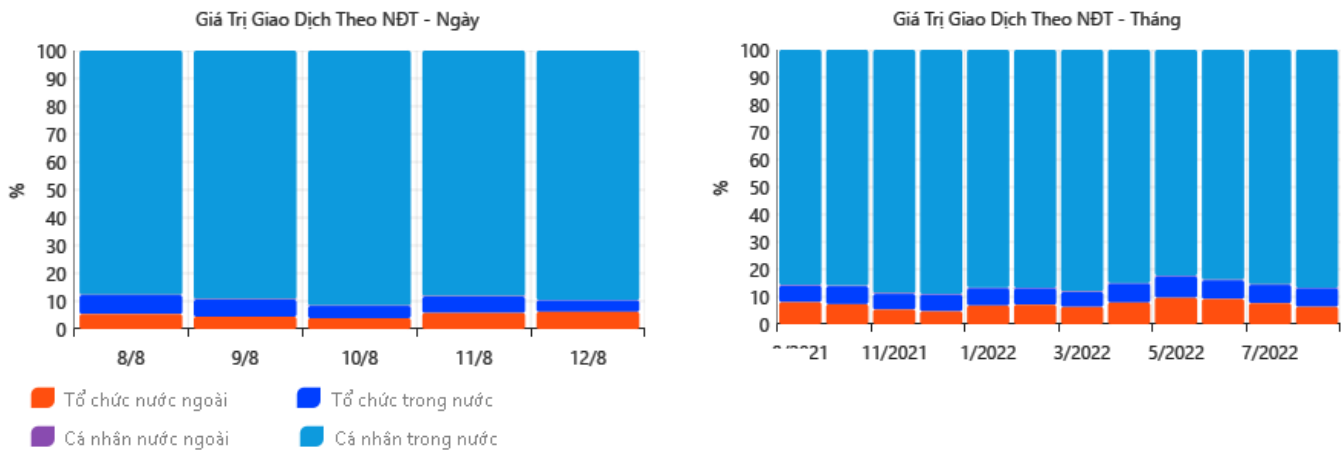


### DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

#### GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	2.79%	7,214.2	HPG	2.79%	1,414.5
VND	2.27%	5,296.3	VNM	-0.96%	1,004.1
SSI	0.40%	4,278.4	VHM	-0.97%	716.4
NVL	0.74%	4,073.3	MWG	0.48%	657.0
VPB	1.87%	4,007.7	FPT	0.82%	541.0

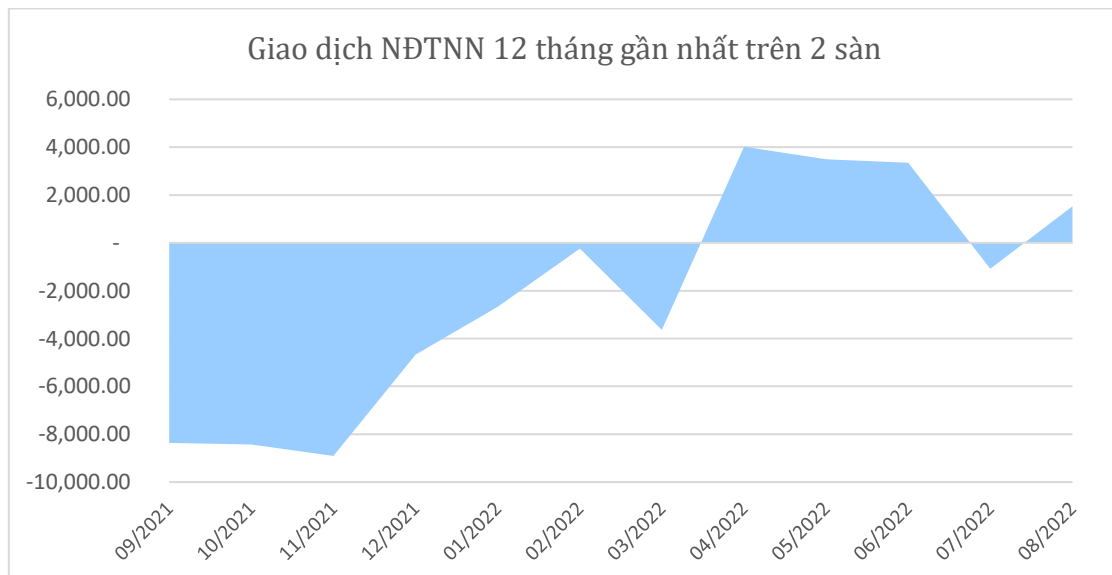
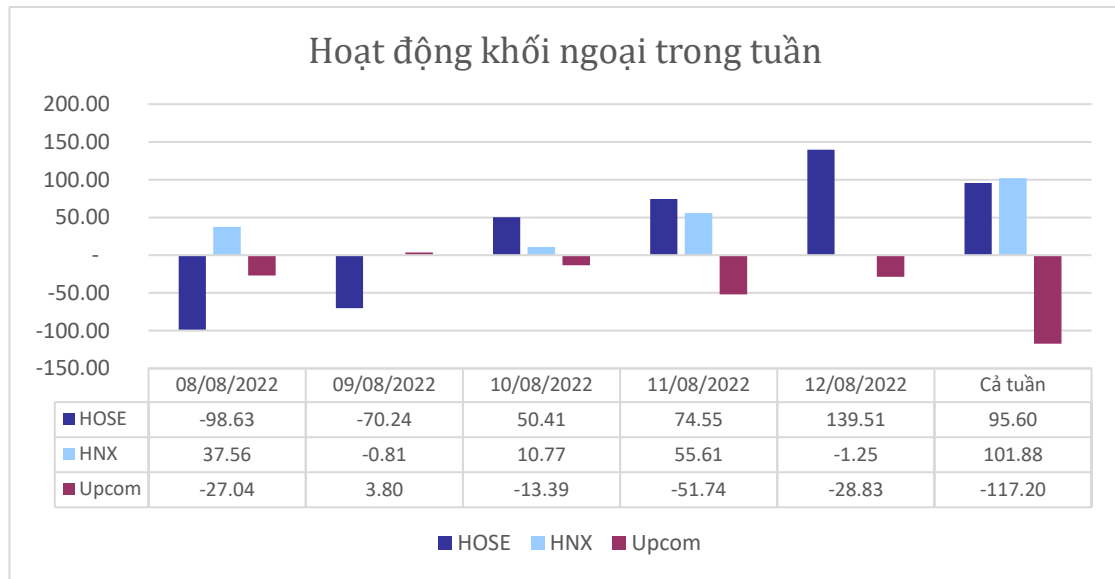
#### Tỷ trọng giao dịch





**KHỐI NGOẠI**

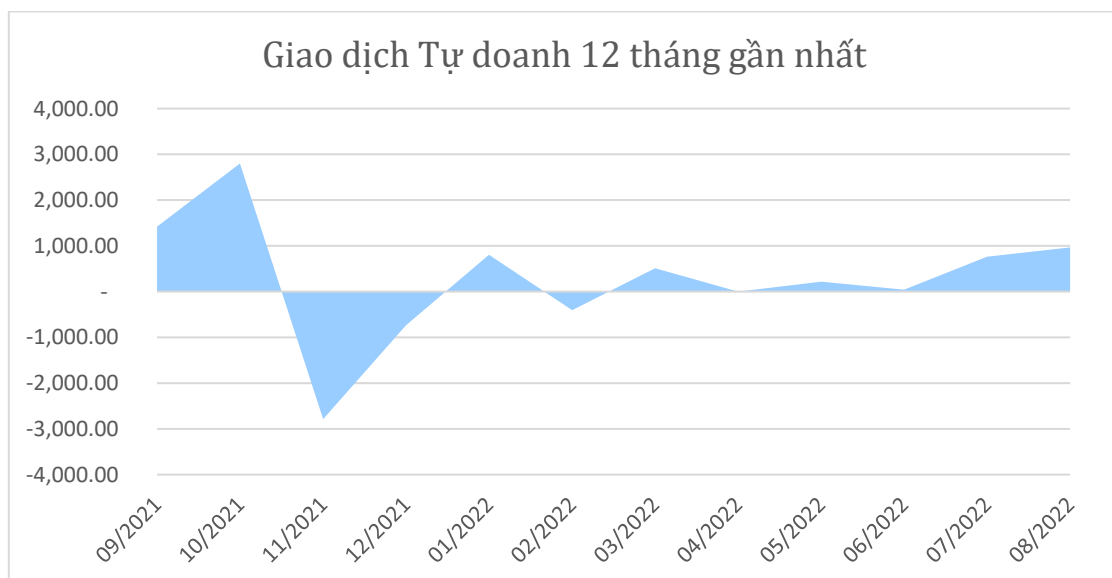
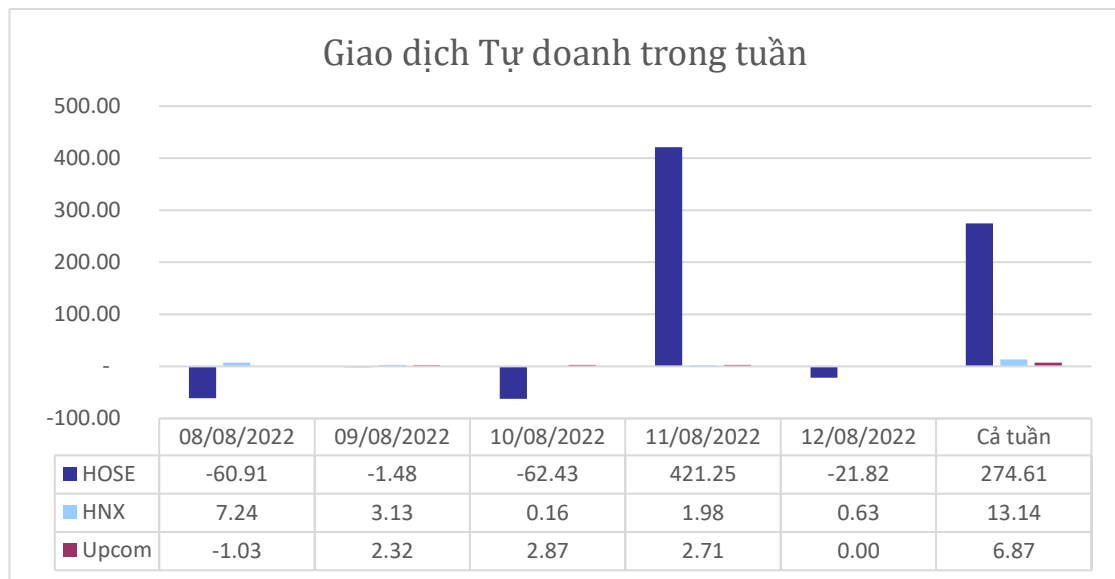
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HDB	2.83%	156.63	VNM	-0.96%	213.52
E1VFN30	1.08%	108.08	HPG	2.79%	83.05
SSI	0.40%	95.07	VJC	-1.74%	54.93
FUESSVFL	1.98%	83.36	KBC	-0.26%	51.93
PVD	12.17%	82.83	DXG	2.38%	47.28





**KHOẢNG TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

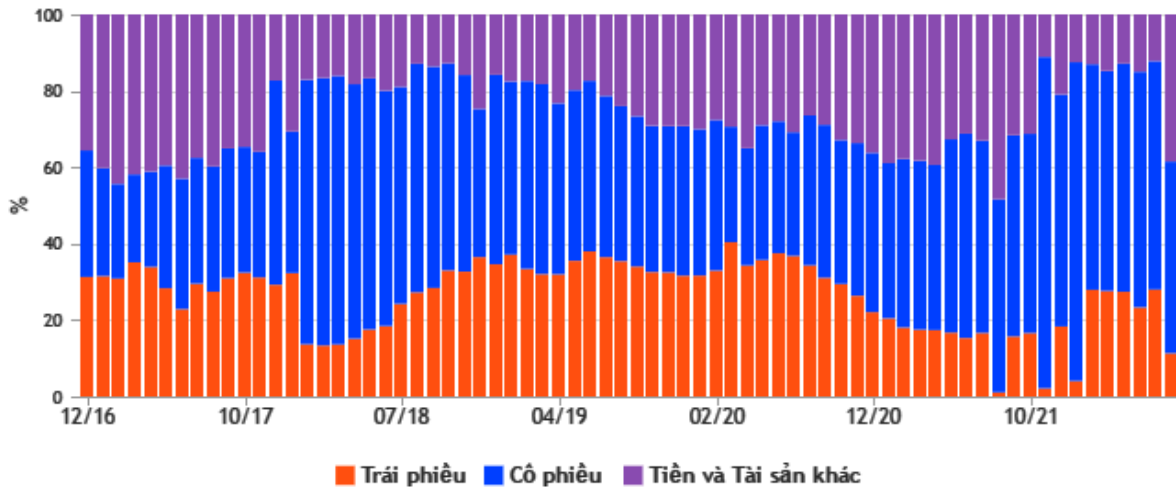
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	2.79%	122.88	E1VFN30	1.08%	90.13
NVL	0.74%	64.58	FUESSVFL	1.98%	86.73
VPB	1.87%	45.56	FPT	0.82%	85.74
VND	2.27%	32.96	PNJ	-1.31%	53.60
FUEVFN30	0.57%	30.17	REE	-0.49%	20.72



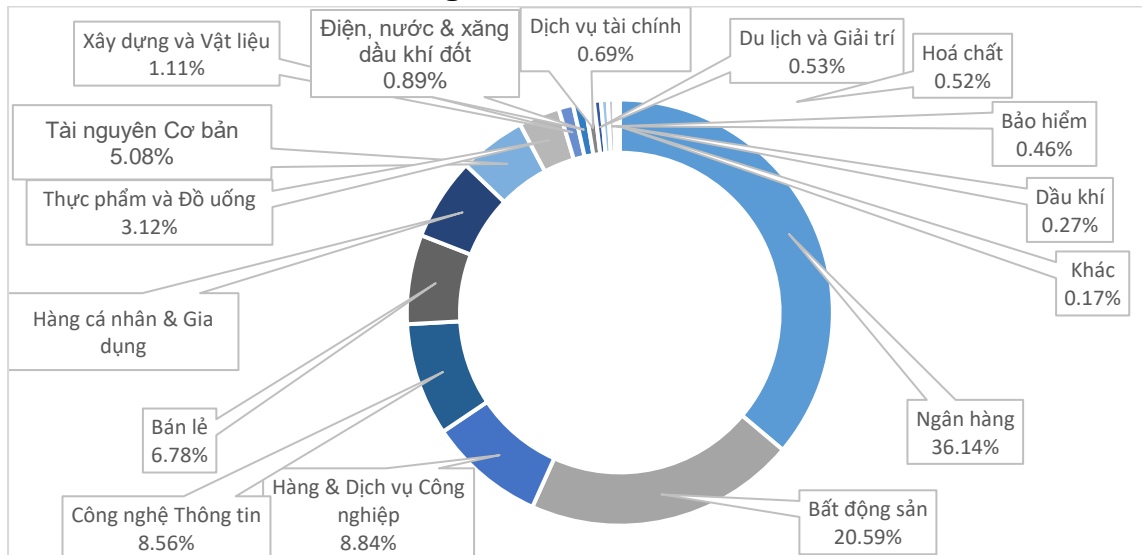


**TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)**

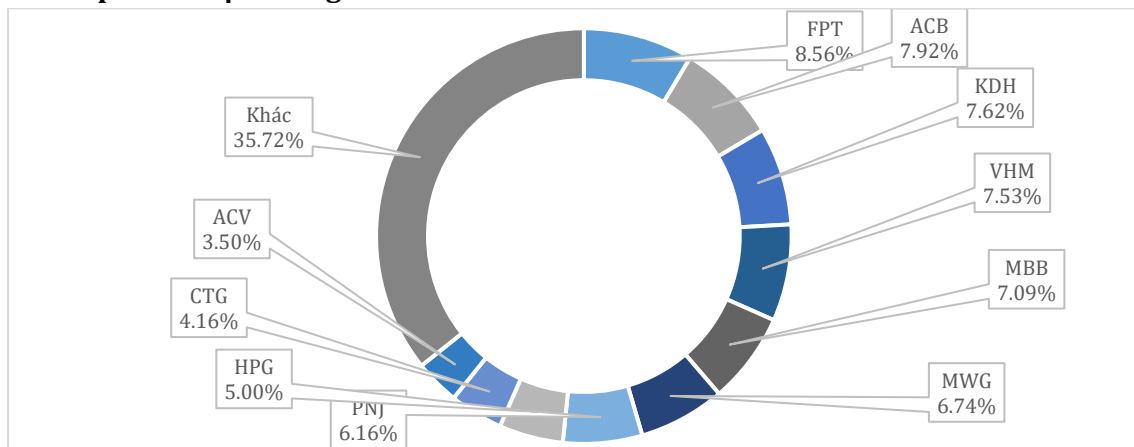
**Phân bổ tài sản**



**Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**





**LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI**

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
AGE	Upcom	Giao dịch lần đầu 19.893.000 cổ phiếu	15/08/22	15/08/22	15/08/22
CMS	HNX	Chấp thuận niêm yết bổ sung 8.252.500 cổ phiếu			15/08/22
NHC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	15/08/22	16/08/22	26/08/22
SBA	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	15/08/22	16/08/22	08/09/22
HDM	Upcom	Giao dịch đầu tiên của 4.724.701 cổ phiếu ĐKGD bổ sung			15/08/22
CVT	HSX	Giao dịch đầu tiên 2.000.000 trái phiếu niêm yết			15/08/22
CVT	HSX	Giao dịch đầu tiên 2.000.000 trái phiếu niêm yết			15/08/22
HD6	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200 đ/cp)	15/08/22	16/08/22	31/08/22
NAP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (550 đ/cp)	15/08/22	16/08/22	12/09/22
CRE	HSX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1), thưởng cp (tỷ lệ 100:30)	15/08/22	16/08/22	15/08/22
LPT	Upcom	Giao dịch 4.000.000 cổ phiếu ĐKGD bổ sung	15/08/22	15/08/22	15/08/22
AGX	Upcom	ĐHCĐ thường niên 2022, trả cổ tức năm 2020 (1.000 đ/cp)	15/08/22	16/08/22	23/08/22
CVT	HSX	Giao dịch đầu tiên 1.000.000 trái phiếu niêm yết			15/08/22
HMC	HSX	Giao dịch 6.299.999 cp niêm yết bổ sung			15/08/22
HSG	HSX	Niêm yết bổ sung 4.900.800 cp		15/08/22	15/08/22
VID	HSX	Giao dịch 5.325.280 cp niêm yết bổ sung			15/08/22
VFG	HSX	Thưởng cp (tỷ lệ 10:3)	15/08/22	16/08/22	15/08/22
HDB	HSX	Niêm yết bổ sung 20.000.000 cp		16/08/22	16/08/22
HAX	HSX	Niêm yết bổ sung 7.426.452 cp		16/08/22	16/08/22
PHS	Upcom	Chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung 10.009.819 cổ phiếu			16/08/22
TKG	Upcom	Ngày giao dịch cuối cùng của 6.315.312 cổ phiếu			16/08/22
HJS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	16/08/22	17/08/22	30/08/22
PWS	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (450 đ/cp)	16/08/22	17/08/22	30/08/22
CTF	HSX	Giao dịch 3.619.766 cp niêm yết bổ sung			16/08/22
DSC	Upcom	Giao dịch 94.000.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung	16/08/22	16/08/22	16/08/22
DRI	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	16/08/22	17/08/22	16/08/22
ST8	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	17/08/22	18/08/22	15/09/22
TRC	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	17/08/22	18/08/22	23/09/22
VNF	HNX	Trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 5:1)	17/08/22	18/08/22	17/08/22
VPH	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	17/08/22	18/08/22	17/08/22
VCI	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 10:3)	17/08/22	18/08/22	17/08/22
PMB	HNX	ĐHCĐ bất thường lần 1 năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.700 đ/cp)	17/08/22	18/08/22	05/09/22
PMP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.100 đ/cp)	18/08/22	19/08/22	19/09/22
SII	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	18/08/22	19/08/22	18/08/22
VDN	Upcom	ĐHCĐ bất thường 2022	18/08/22	19/08/22	18/08/22
HKP	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.095 đ/cp)	18/08/22	19/08/22	05/09/22
MQN	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:9)	18/08/22	19/08/22	18/08/22
ICN	Upcom	Giao dịch 1.999.993 cổ phiếu ĐKGD bổ sung			18/08/22
TVB	HSX	Giao dịch 81.558 cp niêm yết bổ sung			18/08/22
THU	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (250 đ/cp)	19/08/22	22/08/22	15/09/22
KDC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2022 (600 đ/cp)	19/08/22	22/08/22	05/09/22





MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
PGD	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (2.500 đ/cp)	19/08/22	22/08/22	27/09/22
BDW	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (750 đ/cp)	19/08/22	22/08/22	16/09/22
SAS	Upcom	Trả cổ tức (567 đ/cp)	19/08/22	22/08/22	31/08/22
MTP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:13)	19/08/22	22/08/22	19/08/22
SVC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/08/22	22/08/22	19/08/22
KCE	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	19/08/22	22/08/22	14/09/22
TOT	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	19/08/22	22/08/22	19/08/22
IDJ	HNX	Giao dịch đầu tiên 19.112.951 cổ phiếu niêm yết bổ sung			19/08/22
FT1	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (4.500 đ/cp)	19/08/22	22/08/22	21/09/22
SLS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/08/22		19/08/22
V12	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	19/08/22	22/08/22	19/08/22
PGI	HSX	giao dịch 17.743.555 cp niêm yết bổ sung			21/08/22



**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

**Đỗ Trung Nguyên**

Chief Investment strategy

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 – ext:702

**Võ Thế Vinh**

Head of Research

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn) - ext:701



CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)  
GUOTAI JUNAN SECURITIES (VIETNAM)

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:info@gtjas.com.vn">info@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696